TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HS-ST
Ngày: 29/6/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yến Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Đức Tâm

Ông Lê Văn Cảnh

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Phạm Minh Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà***: Ông Phạm Trọng Vịnh - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2021/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 15/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

BÙI TẤN N, sinh năm 1996 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp P(ấp 7), xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Tấn P, sinh năm 1974 và bà Trần Thị T, sinh năm 1980; Vợ, con: chưa có; Tiền án: không; Tiền sự: tại Quyết định số 13/QĐ-XPHC ngày 03/9/2020 của Công an xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản (đã nộp phạt); Nhân thân: tại Quyết định số 06/QĐ-XPHC ngày 15/01/2021 của Công an xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2021/HSST ngày 26/02/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 6 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 09/4/2021. (Có mặt)

- *Bị hại:* Chị Lê Thị Huỳnh N1, sinh năm 1986 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Long Thuận, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1980 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp T 2, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre

- *Người làm chứng:* Anh Võ Cao T1, sinh ngày 22/01/2004 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số 258A, ấp N, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của anh Võ Cao T1: Chị Võ Thị Kim L, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số 257A, ấp N, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Tấn N đã bị Công an xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13/QĐ-XPHC ngày 03/9/2020 chưa được xóa. Khoảng 09 giờ ngày 07/01/2021, Bùi Tấn N và Võ Cao T1 đến nhà nghỉ T (do chị Lê Thị Huỳnh N1 làm chủ) ở ấp L, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre thuê phòng trọ từ ngày 07/01/2021 đến ngày 09/01/2021 để cùng nhau sử dụng ma túy. Đến khoảng 02 giờ 45 phút ngày 09/01/2021, sau khi đi vòng quanh thành phố B chơi, N điều khiển xe gắn máy biển số 71FL-9804 quay về nhà nghỉ T. Khi đến cổng vào nhà nghỉ T, N gặp T1 ở gần cổng vào nhà nghỉ T nên N rủ T1 nhổ trộm cây mai vàng vừa mới được trồng ở phần đất của chị Lê Thị Huỳnh N1 nằm bên phải trước cổng vào nhà nghỉ T (theo hướng từ lộ đê Q đi vào nhà nghỉ T) thì T1 đồng ý. T1 ngồi lên xe gắn máy biển số 71FL-9804 ở bên ngoài cảnh giới, N xuống xe đi vào khu vực phần đất của chị N1 nhổ trộm 01 cây mai vàng đem ra bên ngoài. Sau đó T1 điều khiển xe gắn máy biển số 71FL-9804 chở N và cây mai vừa nhổ trộm được về nhà của ông Châu Văn Đ (Hậu 03 Trắc), ở số 210D, ấp A, xã M, thành phố Bến Tre, tỉnh B cất giấu. Khoảng 05 giờ ngày 09/01/2021, chị N1 phát hiện mình bị mất trộm 01 cây mai vàng nên đến Công an xã S, huyện G trình báo vụ việc. Đến khoảng 06 giờ ngày 09/01/2021, N và T1 quay lại nhà nghỉ T để thu gom đồ đạc cá nhân và trả phòng thì bị Công an xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre phát hiện N và T1 có dấu hiệu khả nghi nên mời làm việc. N và T1 khai nhận đã thực hiện hành vi nhổ trộm 01 cây mai vàng của chị N1 nên Công an xã S tiến hành lập biên bản sự việc, yêu cầu N khai ra địa điểm cất giấu cây mai vàng là tại nhà ông Châu Văn Đ, Công an xã S tiến hành lập biên bản thu giữ cây mai vàng.

Vật chứng tạm giữ gồm:

- Bùi Tấn N giao nộp: 01 cây mai vàng có hai thân, một thân có bề hoành 20cm, một thân có bề hoành 18cm, cây có chiều cao 2,71m, lá trên cây mai đã bị tuốt bỏ.

- 01 xe gắn máy biển số 71FL-9804.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐG ngày 19/02/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện G, tỉnh Bến Tre kết luận: 01 cây mai vàng có hai thân, một thân có bề hoành 20 cm, một thân có bề hoành 18 cm, chiều cao từ gốc đến ngọn cây mai 2,71m, lá trên cây mai đã bị tuốt bỏ, có giá trị 1.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKSGT ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Bùi Tấn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị: tuyên bố bị cáo Bùi Tấn N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Bùi Tấn N từ 6 tháng đến 12 tháng tù.

- Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2021/HSST ngày 26/02/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án.

- Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: trả lại cho bà Trần Thị T 01 xe gắn máy biển số 71FL – 9804, kiểu dáng Wave, đã qua sử dụng, không có gương chiếu hậu, không có bửng chắn gió phía trước, bị trầy xước nhiều nơi.

- Về trách nhiệm dân sự: đã được giải quyết trong giai đoạn điều tra nên không đề cập.

Bị cáo Bùi Tấn N khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố, đồng thời yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra đã có lời khai rõ ràng và phần trách nhiệm dân sự đã được thỏa thuận giải quyết xong nên sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng theo quy định tại khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo Bùi Tấn N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định: vào khoảng 02 giờ 45 phút ngày 09/01/2021, tại phần đất nhà của chị Lê Thị Huỳnh N1 ở ấp Long Thuận, xã S, huyện G, tỉnh

Bến Tre, bị cáo Bùi Tấn N đã có hành vi câu kết với Võ Cao T1 lén lút chiếm đoạt của bị hại Lê Thị Huỳnh N1 01 cây mai vàng có hai thân, một thân có bề hoành 20 cm, một thân có bề hoành 18 cm, cao 2,71m. Kết quả định giá tài sản xác định, cây mai vàng của chị N1 trị giá 1.000.000 đồng.

[4] Bị cáo Bùi Tấn N là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của công dân với lỗi cố ý trực tiếp vì động cơ tư lợi, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Mặc dù giá trị tài sản bị chiếm đoạt của bị hại chưa đến 2.000.000 đồng, nhưng bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản chưa được xóa mà còn vi phạm. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Bùi Tấn N phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được rằng tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của công dân được Nhà nước bảo hộ, mọi hành vi xâm phạm một cách trái pháp luật đều phải bị xử lý. Nhưng xuất phát từ bản tính tham lam, lười biếng lao động, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức nên bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại, gây khó khăn trong cuộc sống, kinh tế và sinh hoạt của họ, gây mất trật tự, an toàn xã hội và bất bình trong nhân dân nên cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: bị cáo có nhân thân xấu, đã bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản chưa được xóa mà lại tiếp tục vi phạm. Đồng thời, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo lại tiếp tục bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và bị Tòa án kết án về tội "Trộm cắp tài sản". Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng như: có thái độ khai báo thành khẩn, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[7] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2021/HSST ngày 26/02/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre đã xử phạt bị cáo 6 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

[8] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về hình phạt bổ sung: xét về hoàn cảnh kinh tế, bị cáo không có nghề nghiệp thu nhập ổn định, không có tài sản nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: bị hại Lê Thị Huỳnh N1 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là 01 cây mai vàng có hai thân, một thân có bề hoành 20 cm, một thân có bề hoành 18 cm, cao 2,71m và không yêu cầu gì khác nên ghi nhận.

[11] Về xử lý vật chứng: vật chứng của vụ án hiện đang thu giữ là 01 xe gắn máy biển số 71FL – 9804. Xét thấy, đây là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Trần Thị T, bà T không biết bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bà T.

[12] Đối với Võ Cao T1 cùng bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, tuy nhiên giá trị tài sản chiếm đoạt chưa đến 2.000.000 đồng trong khi T1 chưa bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm và Cơ quan có thẩm quyền đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T1 là phù hợp. Đối với Châu Văn Đồng không có hành vi câu kết với bị cáo trộm cắp tài sản cũng như không biết việc bị cáo đem tài sản trộm cắp đến cất giấu nhà ông Đồng nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[13] Về án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo Bùi Tấn N phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Bùi Tấn N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 56 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo: Bùi Tấn N 6 (sáu) tháng tù;

Tổng hợp với hình phạt 6 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2021/HSST ngày 26/02/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre; buộc bị cáo Bùi Tấn N chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 01 (một) năm tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 09/4/2021.

2. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bà Trần Thị T 01 (một) xe gắn máy biển số 71FL – 9804, kiểu dáng Wave, đã qua sử dụng, không có gương chiếu hậu, không có bửng chắn gió phía trước, bị trầy xước nhiều nơi.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/6/2021, hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre đang quản lý)

3. Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Bùi Tấn N phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: bị cáo Bùi Tấn N có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện G (1b);
- Cơ quan điều tra CA huyện G (1b);
- Cơ quan THAHS CA huyện G (1b);
- Chi cục THA dân sự huyện G (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã T, huyện G(1b);
- Bị cáo, bị hại, NCQLNVLQ (3b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Nguyễn Yến Phương